

Bản án số: **47/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Thật

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Huy Toàn

Ông Võ Hoàng Ái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: thôn G S, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: thôn G S, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận năm 2006. Vợ chồng có hai con chung là Trần N T, sinh ngày: 26/01/2007 và Trần Thị N T, sinh ngày: 19/7/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường cãi nhau, xúc phạm danh dự lẫn nhau vì bất đồng quan điểm sống nên mỗi người sống mỗi nơi gần 2 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T; yêu cầu được nuôi cháu

Tú và cháu Tuyền, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Trần Ngọc T để giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không xác định được ý kiến của ông T.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T đủ điều kiện kết hôn và tự nguyện đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 12 tháng 7 năm 2006, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông T có nhiều quan điểm sống khác nhau, xúc phạm danh dự lẫn nhau nên mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm đến nhau hơn hai năm nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt, chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa, điều này phù hợp với xác nhận của Công an xã Ninh Hưng “...giữa bà T và ông T có mâu thuẫn trong quá trình chung sống với nhau, hiện nay bà T và ông T không còn chung sống với nhau nữa”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của bà T và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T có hai con chung Trần N T, sinh ngày: 26/01/2007 và Trần Thị N T, sinh ngày: 19/7/2009. Hiện nay các cháu đang ở cùng bà T và có nguyện vọng được chung sống với bà T khi bà T và ông T ly hôn. Việc bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật

Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Trần N T, sinh ngày: 26/01/2007 và Trần Thị N T, sinh ngày: 19/7/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009257 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp pháp.

\* *Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường Đài Sơn, TP Phan Rang,  
Tháp Chàm, GKH số 31 ngày 12/7/2006;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Thật**